

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC TH
TỈNH HÒA B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2024/HNGĐ-ST.**

Ngày: 04/6/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC TH, TỈNH HÒA B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Thành.

Bà Nguyễn Thị Khánh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Huyền - Thư ký viên
Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST- HNGĐ ngày 21/02/2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Ph, sinh năm 1992, có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Gốc X, xã Phú Ngh, huyện Lạc Th, tỉnh Hoà B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 21/02/2024, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, chị Đinh Thị Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 tôi kết hôn với anh Bùi Văn T do tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Cổ Ngh (nay là xã Phú Ngh), Lạc Th, Hoà B. Thời gian vợ chồng chung sống bình thường được một khoảng thời gian dài gần 06 năm. Sau đó đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, không còn hợp nhau nên cuộc sống hôn nhân bế tắc không hoà hợp và tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại, tôi và anh T đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Tòa án, giải quyết cho tôi được ly hôn anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Có 02 con là Bùi Phương L, sinh ngày 11/06/2015 và Bùi Tuấn M, sinh ngày 06/07/2020. Tôi xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục hai con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi yêu cầu anh T đóng góp 2.000.000 đồng/tháng để nuôi cháu M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chưa yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Linh.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2024 và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Năm 2014 tôi kết hôn với cô Đinh Thị Ph do tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Cổ Ngh (nay là xã Phú Ngh), Lạc Th, Hoà B. Thời gian vợ chồng chung sống bình thường được một khoảng thời gian dài. Sau đó, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi hay ghen và ghi ngờ cô Ph nên dẫn đến nhiều lúc tôi có chửi và đánh cô Ph. Vì vậy, cô Ph làm đơn ly hôn với lý do vợ chồng không hợp, tôi không nhất trí ly hôn cô Ph.

Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị Ph.

- Về con chung: Có 02 con là Bùi Phương L, sinh ngày 11/06/2015 và Bùi Tuấn M, sinh ngày 06/07/2020. Nếu vợ chồng ly hôn, tôi để hai con cho cô Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục hai con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi nhất trí cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng nuôi cháu Minh đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của BLTTDS.

Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh T mâu thuẫn đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn và giải quyết cho chị Đinh Thị Ph được ly hôn với anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD giao con chung là Bùi Phương L và Bùi Tuấn M cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn T được quyền thăm hỏi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng cho chị Ph nuôi cháu M với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu trưởng thành, cấp dưỡng hàng tháng. Chị Ph chưa yêu cầu cấp dưỡng cho cháu L.
- *Về tài sản chung*: Chị Ph, anh T tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết.
- *Về công nợ chung*: Chị Ph, anh T khai không có.
- *Về án phí*: Đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án*:

Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Gốc X, xã Phú Ngh, huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Th thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị Ph và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND Cổ Ngh (nay là xã Phú Ngh) huyện Lạc Th, tỉnh Hoà B. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, từ năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và đến năm 2023 là mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị Ph, anh T đã ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Tại phiên tòa anh Tuấn đồng ý ly hôn. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị Ph và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ph có nguyện vọng xin được ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

* *Về con chung*: Chị Ph và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Phương L, sinh ngày 11/06/2015 và Bùi Tuấn M, sinh ngày 06/07/2020. Sau khi ly hôn, chị Ph xin được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Tuấn M mỗi tháng 2.000.000 đồng. Chưa yêu cầu cấp dưỡng cho cháu L.

Xét thấy, cháu Bùi Phương L và Bùi Tuấn M hiện nay đang ở với chị Ph, Cháu L có nguyện vọng ở với mẹ, chị Ph có công việc và thu nhập ổn định. Phía anh T đồng ý để chị Ph nuôi 02 con chung và cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Tuấn M mỗi tháng 2.000.000 đồng. Để đảm quyền lợi cũng như ổn định cuộc sống của con. Giao cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, anh T cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Tuấn M mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

* *Về tài sản chung*: Chị Ph, anh T đều nhất trí hai bên tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

* *Về công nợ chung*: Chị Ph, anh T khai không có, không yêu cầu giải quyết,

nên HĐXX không xét.

[3]. *Về án phí*: Chị Đinh Thị Ph, anh Bùi Văn T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS.

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị Đinh Thị Ph được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung:

Giao con chung Bùi Phương L, sinh ngày 11/06/2015 và Bùi Tuấn M, sinh ngày 06/07/2020 cho chị Đinh Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L, M đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Bùi Văn T được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Tuấn M cho chị Ph với số tiền là 2.000.000 đồng/một tháng, cho đến khi cháu trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2024, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị Ph chưa yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Bùi Phương L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Chị Đinh Thị Ph phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001892 ngày 21/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Th, tỉnh Hòa B. Chị Ph đã nộp xong.

- Anh Bùi Văn T phải nộp: 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Th;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Th
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn nơi ĐKKH;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Thái Hùng Dũng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Thái Hùng Dũng